

Số: 21/2020/QĐST-DS

Trà Ôn, ngày 07 tháng 02 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 30 tháng 01 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 295/2019/TLST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2019;

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

*Nguyên đơn:*

- 1/ Lục Văn N, sinh năm 1938
- 2/ Huỳnh Thị K, sinh năm 1952
- 3/ Nguyễn Thị Hồng Y, sinh năm 1987
- 4/ Lục T, sinh ngày 28/11/2017

Cùng địa chỉ cư trú: ấp A, xã L, huyện R, tỉnh Vĩnh Long

Người đại diện hợp pháp của Lục T: Chị Nguyễn Thị Hồng Y, là người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Phạm Hoài Duy Q, sinh năm 1985. Địa chỉ cư trú: ấp Q, xã H, huyện P, tỉnh Vĩnh Long, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 21/11/2019, 13/11/2019).

*Bị đơn:* Ông Hồ Tấn R, sinh năm 1963

Địa chỉ cư trú: ấp V, xã H, huyện K, tỉnh Vĩnh Long

**2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**2.1.** Vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 02/02/2019 giữa ông Hồ Tấn R và anh Lục Hoàng X đã được Văn phòng công chứng Trần Thị Minh – tỉnh Vĩnh Long chứng nhận ngày 02/02/2019 số công chứng 265 quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD.

**2.2.** Ông Hồ Tấn R có nghĩa vụ trả cho ông Lục Văn N, bà Huỳnh Thị K, chị Nguyễn Thị Hồng Y và Lục T số tiền vay vốn 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) và lãi 29.700.000đ (hai mươi chín triệu bảy trăm ngàn đồng). Tổng cộng vốn và lãi 179.700.000đ (một trăm bảy mươi chín triệu bảy trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cho đến khi thi hành án xong thì ông Hồ Tấn R còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

**2.3.** Ông Lục Văn N, bà Huỳnh Thị K, chị Nguyễn Thị Hồng Y và Lục T có N vụ trả cho ông Hồ Tấn R 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 038131, số vào sổ cấp GCN: CH05881 thuộc thửa 91, tờ bản đồ số 14, diện tích 2.784,4m<sup>2</sup> được Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long cấp cho ông Hồ Tấn R ngày 30/6/2014 và giấy chứng nhận đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 625674, số vào sổ cấp GCN: CS10549 thuộc thửa 312, tờ bản đồ số 14, diện tích 374,6m<sup>2</sup> được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp cho ông Hồ Tấn R ngày 05/11/2018, cùng tọa lạc tại ấp V, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

**2.4.** Về án phí dân sự sơ thẩm là 4.492.500đ (bốn triệu bốn trăm chín mươi hai ngàn năm trăm đồng); nguyên đơn và bị đơn mỗi bên nộp ½ án phí, cụ thể:

Ông Lục Văn N, bà Huỳnh Thị K, chị Nguyễn Thị Hồng Y và Lục T nộp 2.246.250đ (hai triệu hai trăm bốn mươi sáu ngàn hai trăm năm mươi đồng) nhưng ông N và bà K là người cao tuổi, Lục T là trẻ em và có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí cho ông N, bà K, Lục T mỗi người là 561.562đ (Năm trăm sáu mươi một ngàn năm trăm sáu mươi hai đồng). Chị Nguyễn Thị Hồng Y nộp 561.562đ (Năm trăm sáu mươi một ngàn năm trăm sáu mươi hai đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 1.087.000đ (Một triệu không trăm tám mươi bảy ngàn đồng) chị Y đã nộp theo biên lai thu số 0015786 ngày 11/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Vĩnh Long, còn lại 525.438đ (Năm trăm hai mươi lăm ngàn bốn trăm ba mươi tám đồng) hoàn trả chị Y.

Ông Hồ Tấn R nộp 2.246.250đ (Hai triệu hai trăm bốn mươi sáu ngàn hai trăm năm mươi đồng).

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**  
ĐÃ KÝ

**Hồ Hoàng Phong**